

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 3 - HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 829/2026/DS-ST

Ngày 7 tháng 7 năm 2026

“V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - HÀ NỘI

- Với thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phạm Đồng Trung**

Các hội thẩm nhân dân: Bà **Huỳnh Thị Thanh Hà**

Bà Đào Thị Thu Hoàn

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà **Phạm Thị Hồng Lê**

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Hà Nội tham gia phiên tòa:

Bà Chu Thị Hồng Nhung - Kiểm sát viên

Ngày 7 tháng 7 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 - Hà Nội mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự sơ thẩm thụ lý số 1186/2026/TLST-DS ngày 07 tháng 11 năm 2025 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 883/2026/QĐXXST-DS ngày 03 tháng 6 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP V1 (V2)

Địa chỉ: **số H L, phường Đ, thành phố Hà Nội**

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Ngô Chí D** - Chủ tịch Hội đồng quản trị

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Nguyễn Văn Đ** - Trưởng phòng (Văn bản ủy quyền số 16-2026-UQN-CTQT ngày 27/3/2026)

Ông **Đ** ủy quyền lại cho ông **Nguyễn Trung K**, ông **Lương Thế M**, ông **Lê Quốc V** - Cán bộ xử lý nợ (Văn bản ủy quyền số 002398/2025/UQ-RCC-VPB ngày 02/4/2026)

(Ông **Lê Quốc V** có mặt)

- Bị đơn: Ông Hồ Hoàng L, sinh năm 1984, CCCD: 001084*****

Địa chỉ: **Số A M, phường H, thành phố Hà Nội.**

(Ông **Hồ Hoàng L** có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Tại đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa án, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:*

Ông **Hồ Hoàng L** vay của **Ngân hàng TMCP V1 (V2)** theo các Hợp đồng tín dụng cụ thể như sau:

- Hợp đồng tín dụng 324-P-1786177, ngày giải ngân vốn vay 12/5/2023 với tiền cho vay: 130,000,000 đồng (Bằng chữ: Một trăm ba mươi triệu đồng chẵn);

Thời hạn vay: 60 tháng (Bằng chữ: Sáu mươi tháng); Loại thẻ: 005-MC T; Với mục đích vay tiêu dùng cá nhân; Lãi suất trong hạn: Lãi suất cho vay áp dụng theo biểu lãi suất cho vay do V2 quy định qua từng thời kỳ. Lãi suất quá hạn: Lãi suất cho vay áp dụng đối với dư nợ gốc quá hạn bằng 150% mức lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chuyển nợ quá hạn. Lãi suất chậm trả áp dụng đối với tiền lãi chậm trả bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chậm trả lãi nhưng tối đa không quá 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả;

- Hợp đồng cho vay LD2410002060, ngày giải ngân vốn vay 09/04/2024; Số tiền cho vay: 211,300,000 đồng (Bằng chữ: Hai trăm mười một triệu ba trăm nghìn đồng). Thời hạn vay: 60 tháng (Bằng chữ: Sáu mươi tháng); Mục đích vay: Vay tiêu dùng cá nhân; Lãi suất trong hạn tại thời điểm giải ngân: 21%/năm. Lãi suất cho vay áp dụng theo biểu lãi suất cho vay do V2 quy định qua từng thời kỳ; Lãi suất quá hạn: Lãi suất cho vay áp dụng đối với dư nợ gốc quá hạn bằng 150% mức lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chuyển nợ quá hạn. Lãi suất chậm trả áp dụng đối với tiền lãi chậm trả bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chậm trả lãi nhưng tối đa không quá 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

Tạm tính đến ngày 19/01/2026, Ông Hồ Hoàng L còn nợ V2 tổng số tiền là: **685,653,445** đồng (Trong đó nợ gốc: 334.203.378 đồng, nợ lãi 351.450.067 đồng). Nay nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải thanh toán toàn bộ khoản nợ trên

** Tại bản tự khai và tại các buổi làm việc tại Tòa án, bị đơn - Ông Hồ Hoàng L trình bày:*

Ông L xác nhận có ký 02 hợp đồng tín dụng 324-P-1786177 và LD2410002060 (Theo T24) với Ngân hàng TMCP V1 (V2). Do hoàn cảnh khó khăn, bị mất việc làm nên ông không đủ khả năng trả toán với Ngân hàng. Ông L xác nhận tổng số dư nợ tính đến ngày 19/01/2026 như Ngân hàng đã trình bày gồm: Nợ gốc: 334.203.378 đồng, nợ lãi: 351.450.067 đồng, tổng dư nợ: **685,653,445** đồng. Tại phiên hòa giải ngày 19/01/2026, ông L đồng ý trả toán toàn bộ khoản vay cho Ngân hàng TMCP V1 (V2) trước ngày 13/02/2026 và tự nguyện chịu cả án phí. Cùng ngày, Tòa án đã lập biên bản hòa giải thành.

Ngày 20/01/2026 ông L có đơn đề nghị không công nhận kết quả hòa giải thành

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu ông Hồ Hoàng L trả cho Ngân hàng TMCP V1 (V2), tính đến hết ngày 07/7/2026, cụ thể như sau:

+ Đối với Hợp đồng tín dụng 324-P-1786177 ngày 12/5/2023: Nợ gốc là 124.903.378 đồng, lãi quá hạn là 140.243.905 đồng, phí là 1.712.282 đồng, tổng dư nợ phải thanh toán là: **266.859.565 đồng**.

+ Đối với Hợp đồng vay LD2410002060 ngày 09/4/2024: Nợ gốc là 208.300.000 đồng, lãi trong hạn là 3.160.816 đồng, lãi quá hạn là 166.293.113 đồng, lãi chậm trả lãi: 687.586 đồng; tổng dư nợ phải thanh toán là: **377.753.929 đồng**.

Tổng dư nợ ông L phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP V1 (V2) là **644.613.494 đồng** (trong đó nợ gốc là 333.203.378 đồng, lãi trong hạn là

3.160.816 đồng, lãi quá hạn là 306.537.018 đồng, phí là 1.712.282 đồng, lãi chậm trả lãi: 687.586 đồng).

- Bị đơn - Ông **Hồ Hoàng L** trình bày: Đồng ý với số tiền gốc và lãi đối với 02 khoản vay mà đại diện ngân hàng đưa ra. Ông đề nghị Ngân hàng cho ông thời gian để trả nợ

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Hà Nội phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký tòa án và của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án như sau:

- *Về tố tụng:* Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự: Thụ lý vụ án đúng thẩm quyền; thực hiện đúng các thủ tục tố tụng; thu thập chứng cứ, thời hạn giải quyết vụ án, chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đảm bảo đúng quy định. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm, điều hành phiên tòa đúng trình tự, thủ tục; tại phiên tòa các đương sự thực hiện đúng các quy định về quyền và nghĩa vụ của mình.

- *Về nội dung:* Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc ông **Hồ Hoàng L** phải phải thanh toán cho **Ngân hàng TMCP V1 (V2)** tính đến ngày 07/7/2026 toàn bộ số tiền nợ gốc và lãi như yêu cầu trên của **Ngân hàng V2**.

Kể từ ngày kế tiếp sau ngày xét xử sơ thẩm, ông **Hồ Hoàng L** phải tiếp tục chịu lãi suất đối với khoản nợ gốc theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng đã ký kết giữa các bên tương ứng với thời gian chậm trả cho đến khi tất toán toàn bộ số nợ gốc.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Trả lại nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả thảo luận, của Hội đồng xét xử nhận định:

[1]Về tố tụng:

- *Về xác định quan hệ tranh chấp:* Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ trong vụ án, Hội đồng xét xử xác định tranh chấp giữa **Ngân hàng TMCP V1 (V2)** và ông **Hồ Hoàng L** được xác định là “ Tranh chấp hợp đồng tín dụng ” được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- *Về xác định thẩm quyền giải quyết:* Tại thời điểm khởi kiện và thụ lý vụ án bị đơn - Ông **Hồ Hoàng L** có đăng ký hộ khẩu thường trú và ở tại **số A M, phường H, thành phố Hà Nội**. Đây là vụ án dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 3 - Hà Nội theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- *Về thời hiệu khởi kiện:* Theo quy định tại khoản 2 Điều 184 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án còn thời hiệu khởi kiện.

- *Về trình tự tố tụng:* Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ tất cả các văn bản tố tụng, bao gồm: Thông báo thụ lý vụ án; Giấy triệu tập; Thông báo kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm cho các đương sự, các đương sự đều có mặt và tham gia các buổi làm việc tại Tòa án.

[2] Về nội dung vụ án:

Ông **Hồ Hoàng L** ký với **Ngân hàng TMCP V1 (V2)** 02 Hợp đồng: Hợp đồng cho vay LD2410002060 ngày 09/04/2024 và Hợp đồng 324-P-1786177 ngày 23/5/2023 sử dụng Thẻ tín dụng (Bao gồm Giấy đề nghị kèm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng - các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng). Hội đồng xét xử nhận thấy 02 hợp đồng này được ký kết giữa **Ngân hàng TMCP V1 (V2)** và ông **Hồ Hoàng L** phù hợp với các quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015 và Luật các tổ chức tín dụng về nội dung và hình thức của hợp đồng. Do đó xác định đây là các hợp đồng hợp pháp và có phát sinh hiệu lực đối với các bên.

Quá trình thực hiện hợp đồng:

Ngày 12/5/2023, **Ngân hàng TMCP V1 (V2)** và ông **Hồ Hoàng L** ký hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng) số 324-P-1786177 hạn mức sử dụng là 130.000.000 đồng với mục đích tiêu dùng cá nhân, loại thẻ 005-MC Titanium Credit. Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay ông **Hồ Hoàng L** vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên **Ngân hàng TMCP V1** đã nhiều lần nhắc nhở ông **Hồ Hoàng L** về việc thanh toán nhưng ông **L** vẫn không thanh toán. Do đó, toàn bộ khoản nợ trên đã chuyển sang quá hạn với lãi suất quá hạn.

Ngày 09/4/2024, **Ngân hàng TMCP V1 (V2)** và ông **Hồ Hoàng L** ký Hợp đồng cho vay LD2410002060 với hạn mức 211.000.000 đồng với mục đích tiêu dùng cá nhân, Trong quá trình thực hiện hợp đồng, ông **Hồ Hoàng L** vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên **Ngân hàng TMCP V1** đã nhiều lần nhắc nhở ông **Hồ Hoàng L** về việc thanh toán nhưng ông **L** vẫn không thanh toán. Do đó, toàn bộ khoản nợ trên đã chuyển sang quá hạn với lãi suất quá hạn.

Hội đồng xét xử nhận thấy: Bị đơn là ông **Hồ Hoàng L** đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận của các bên tại Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng được ký kết vào ngày 12/5/2023 và Hợp đồng cho vay được ký kết vào ngày 09/4/2024, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của **Ngân hàng TMCP V1 (V2)**. Vì vậy, yêu cầu của nguyên đơn buộc ông **Hồ Hoàng L** phải trả cho **Ngân hàng TMCP V1 (V2)** tổng số tiền nợ gốc tính đến ngày 07/7/2026: **333.203.378 đồng** là có căn cứ và đúng theo quy định tại các Điều 463, Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015 nên được chấp nhận.

Về yêu cầu đối với khoản tiền lãi của **Ngân hàng TMCP V1 (V2)** do ông **Hồ Hoàng L** đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên kể từ ngày 12/4/2024 **Ngân hàng TMCP V1 (V2)** đã chuyển toàn bộ dư nợ gốc còn thiếu sang quá hạn là đúng với quy định của pháp luật. Nay **Ngân hàng TMCP V1 (V2)** yêu cầu ông **Hồ Hoàng L** phải thanh toán cho ngân hàng số tiền lãi quá hạn tính đến hết ngày 07.7.2026 (đối với Hợp đồng thẻ tín dụng số 324-P-1786177) là **140.243.905 đồng** đồng, phí là 1.712.282 đồng; lãi trong hạn (đối với Hợp đồng cho vay LD2410002060) là 3.160.816 đồng, lãi quá hạn là 166.293.113 đồng, lãi chậm trả lãi 687.586 đồng là đúng theo quy định tại Điều 4 và Điều 6 Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của **Ngân hàng TMCP V1 (V2)** và phù hợp với quy định tại

khoản 2 Điều 91; khoản 2 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 nên được chấp nhận.

[3] Về án phí: Do yêu cầu của **Ngân hàng TMCP V1 (V2)** được chấp nhận nên **Ngân hàng TMCP V1** không phải chịu án phí, được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp. Ông **Hồ Hoàng L** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4] về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ:

- Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 184; Điều 271; Điều 273; Điều 271; Điều 278 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 280; Điều 463; Điều 466; của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Khoản 2 Điều 91; khoản 2 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của **Ngân hàng TMCP V1 (V2)** đối với ông **Hồ Hoàng L**.

2. Buộc ông **Hồ Hoàng L** phải thanh toán cho **Ngân hàng TMCP V1 (V2)** số tiền tính đến hết ngày 07/7/2026 tổng số tiền là 644.613.494 đồng (*sáu trăm bốn mươi bốn triệu, sáu trăm mười ba nghìn, bốn trăm chín mươi tư đồng*) đối với 02 hợp đồng sau:

+ Hợp đồng thế tín dụng số 324-P-1786177 là: 266.859.565 đồng, (trong đó tiền gốc: 124.903.378, lãi quá hạn: 140.243.905 đồng, phí là 1.712.282 đồng)

+ Hợp đồng cho vay LD2410002060 ngày 09/4/2024 là: 377.753.929 đồng, (trong đó: lãi trong hạn là 3.160.816 đồng, lãi quá hạn là 166.293.113 đồng, lãi chậm trả lãi 687.586 đồng)

Kể từ ngày kế tiếp sau ngày xét xử sơ thẩm ông **Hồ Hoàng L** phải tiếp tục chịu lãi suất đối với khoản nợ gốc theo mức lãi suất thỏa thuận trong 02 hợp đồng đã ký kết giữa các bên tương ứng với thời gian chậm trả cho đến khi tất toán toàn bộ số nợ gốc.

3. Về án phí: Ông **Hồ Hoàng L** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 29.784.000 đồng. Hoàn trả cho **Ngân hàng TMCP V1** số tiền tạm ứng án phí: 14.000.000 đồng đã nộp theo biên lai thu nộp tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số: BLTU/25E 0015093 ngày 05/11/2025 của thi hành án dân sự thành phố Hà Nội

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 8, 36, 71 và 72 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 34 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt đại diện Ngân hàng TMCP V1; ông Hồ Hoàng L. Ngân hàng TMCP V1, ông Hồ Hoàng L có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND Khu vực 3 - HN;
- Các đương sự;
- Lưu Hs, VP.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Đồng Trung